

KẾT QUẢ THI LẦN 2 - HK2 NĂM HỌC: 2021-2022

STT	CƠ SỞ	KHÓA	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 2		Điểm TB TK	Kết quả	GHI CHÚ	Môn thi
							HS1	HS2			Lần 1	Lần 2	TB Môn	KQ2				
1	2	13	2203240027	Trần Ngọc Trâm Anh	03/10/1996	02DS13A1	6.5	6.8	6.7			8.5	7.8	Đạt	7.8	Đạt		Hóa được - được lý 2
2	2	13	2203360337	Lâm Tuyết Nhung	26/10/2005	02DS13C2	6.0	5.0	5.3		2.3	4.5	4.8	Đạt	4.8	Đạt		Hóa phân tích
3	1	14	1213360139	Nguyễn Văn Khoa	08/09/2004	01KT14C1	5.0	6.5	6.0			7.0	6.6	Đạt	6.6	Đạt		Kỹ năng giao tiếp
4	1	14	1213360092	Nguyễn Hồ Phương Uyên	30/05/2006	01MK14C1	6.0	6.0	6.0			6.0	6.0	Đạt	6.0	Đạt		Kỹ năng giao tiếp
5	2	13	2203240299	Nguyễn Thị Huệ	20/06/1990	02DS13B1D1	7.5	7.8	7.7			8.7	8.3	Đạt	8.3	Đạt		Dược liệu
6	1	14	1213360091	Nguyễn Thị Kim Khánh	25/08/2006	01KT14C1	9.0	6.0	7.0			4.0	5.2	Đạt	5.2	Đạt		Kế toán doanh nghiệp 1
7	1	14	1213360139	Nguyễn Văn Khoa	08/09/2004	01KT14C1	6.0	6.5	6.3			4.0	4.9	Đạt	4.9	Đạt		Kế toán doanh nghiệp 1
8	1	14	1213360144	Biện Thái Ngọc Hân	24/07/2006	01MK14C1	8.0	8.0	8.0			7.0	7.4	Đạt	7.4	Đạt		Nghị vụ marketing
9	1	14	1213360027	Trác Xuân Hùng Bách	27/10/2002	01KT14C1	6.0	5.9	5.9			8.5	7.5	Đạt	7.5	Đạt		Kế toán hành chính sự nghiệp
10	1	14	1213360094	Trần Chấn Đông	04/10/2006	01MK14C1	7.0	7.5	7.3			7.5	7.4	Đạt	7.4	Đạt		Hành vi khách hàng
11	1	14	1213360144	Biện Thái Ngọc Hân	24/07/2006	01MK14C1	7.0	7.5	7.3		1.5	7.5	7.4	Đạt	7.4	Đạt		Hành vi khách hàng
12	1	14	1213360129	Võ Nhựt Huy	27/12/2006	01MK14C1	7.5	7.0	7.2		1.0	6.0	6.5	Đạt	6.5	Đạt		Hành vi khách hàng
13	2	12	2193360227	Đoàn Minh Trung	30/11/2004	02DL12C1	6.0	7.0	6.7			8.2	7.6	Đạt	7.6	Đạt		Hóa học 10
14	1	13	1203360134	Lê Thị Thu Thảo	05/06/2004	01TW13C1	7.0	7.0	7.0			8.0	7.6	Đạt	7.6	Đạt		Hóa học 10
15	1	13	1203360128	Nguyễn Hoàng Anh Kiệt	22/10/2005	01TM13C1	8.0	8.0	8.0			6.6	7.2	Đạt	7.2	Đạt		Hóa học 11
16	2	13	2203360277	Đoàn Thị Ngọc Linh	15/09/2005	02KT13C1	6.0	6.0	6.0		2.8	6.0	6.0	Đạt	6.0	Đạt		Ngữ Văn 10
17	2	13	2203360280	Lê Văn Tiến	10/10/2004	02KT13C1	6.0	6.0	6.0		2.0	5.5	5.7	Đạt	5.7	Đạt		Ngữ Văn 10
18	2	13	2203360062	Trần Thụy Trúc Nhã	12/05/2004	02MK13C1	6.0	7.0	6.7		3.8	6.5	6.6	Đạt	6.6	Đạt		Ngữ Văn 10
19	2	13	2203360129	Trần Thị Hiền Lương	21/06/2005	02MK13C1	7.0	6.0	6.3		4.0	6.5	6.4	Đạt	6.4	Đạt		Ngữ Văn 10
20	2	13	2203360236	Vương Tiên Nhi	31/08/2005	02MK13C1	6.0	6.0	6.0		4.0	6.0	6.0	Đạt	6.0	Đạt		Ngữ Văn 10
21	2	13	2203360200	Trần Lê Ngọc Phúc	14/04/2005	02KT13C1	8.0	8.0	8.00			7.8	7.9	Đạt	7.9	Đạt		Hóa học 11

STT	CƠ SỐ	KHÓA	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 2		Điểm TB TK	Kết quả	GHI CHÚ	Môn thi
							HS1	HS2			Lần 1	Lần 2	TB Môn	KQ2				
22	2	13	2203360152	Phan Gia Đạt	11/07/2005	02MK13C1	10.0	10.0	10.0			8.7	9.2	Đạt	9.2	Đạt		Hóa học 12
23	2	13	2203360293	Lương Anh Kiệt	16/12/2003	02MK13C1	10.0	10.0	10.0			7.3	8.4	Đạt	8.4	Đạt		Hóa học 12
24	2	13	2203360213	Ngô Bảo Lộc	05/04/2004	02MK13C1	10.0	10.0	10.0			7.3	8.4	Đạt	8.4	Đạt		Hóa học 12
25	1	13	1203360023	Phan Thanh Thảo	10/10/2005	01YS13C1	4.0	4.0	4.0			6.8	5.7	Đạt	5.7	Đạt		Toán 10
26	1	13	1203360053	Nguyễn Thị Bích Trâm	03/10/2005	01KT13C1	8.5	8.5	8.5			6.3	7.2	Đạt	7.2	Đạt		Toán 10
27	2	13	2203360001	Phạm Tài Duy	02/10/1990	02DS13D1	5.0	5.0	5.0		4.8	3.5	4.1	Học lại	4.1	Học lại		Toán 10
28	2	13	2203360025	Phạm Văn Nam	29/10/2003	02TM13D1	4.0	4.0	4.0			6.3	5.4	Đạt	5.4	Đạt		Toán 10
29	2	13	2203360042	Nguyễn Phú Quốc Hùng	10/05/2004	02YS13C1	5.5	5.5	5.5			6.8	6.3	Đạt	6.3	Đạt		Toán 10
30	2	13	1203360027	Trần Ngọc Tường Vy	20/04/2005	02DD13C1	5.5	5.5	5.5		2.8	6.0	5.8	Đạt	5.8	Đạt		Toán 10
31	2	13	2203360045	Vũ Minh Tự	05/09/2000	02DS13D1	8.0	8.0	8.0			8.3	8.2	Đạt	8.2	Đạt		Toán 10
32	2	13	2203360128	Mai Phạm Phú Hào	31/07/1997	02TW13D1	9.0	9.0	9.0			8.3	8.6	Đạt	8.6	Đạt		Toán 11
33	2	13	2203360217	Phan Minh Tài	06/08/2005	02TM13C1	10.0	8.0	8.7			8.3	8.4	Đạt	8.4	Đạt		Vật lý 10
34	2	13	2203360275	Trần Đức Thuận	22/11/2005	02TW13C1	7.8	6.0	6.6			7.5	7.1	Đạt	7.1	Đạt		Vật lý 11
35	2	13	2203360200	Trần Lê Ngọc Phúc	14/04/2005	02KT13C1	8.0	4.5	5.7			6.8	6.3	Đạt	6.3	Đạt		Vật lý 12
36	1	14	1213360130	Nguyễn Anh Thư	12/09/2006	01DD14C1	5.0	5.0	5.0		5.7	3.2	3.9	Học Lại	3.9	Học lại		Y học cơ sở
37	1	14	1213240024	Phạm Nguyễn Thế Anh	26/04/1996	01YS14B1	7.0	6.0	6.3			6.0	6.1	Đạt	6.1	Đạt		Y học cơ sở
38	1	14	1213180021	Huỳnh Thanh Đại	30/12/1980	01YS14B1	8.0	7.0	7.3			5.3	6.1	Đạt	6.1	Đạt		Y học cơ sở
39	2	14	2213360033	Nguyễn Thảo Vân Trường	11/04/2005	02DD14C1	3.0	8.5	6.7			7.3	7.0	Đạt	7.0	Đạt		Chăm sóc người bệnh Nội khoa
40	2	14	2213240089	Nguyễn Thị Thu Ngân	01/11/2002	02YS14A1	8.0	8.0	8.0			8.8	8.5	Đạt	8.5	Đạt		Bệnh Nội Khoa
41	1	14	1213360096	Nguyễn Quỳnh Như	08/11/2006	01DD14C1	8.0	5.0	6.0		2.0	7.0	6.6	Đạt	6.6	Đạt		Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa
42	1	14	1213360063	Huỳnh Minh Nhựt	23/03/2005	01DD14C1	8.0	6.0	6.7			3.2	4.6	Đạt	4.6	Đạt		Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa
43	1	14	1213240020	Hồ Vĩnh Long	27/10/1993	01DS14A1	9.0	8.0	8.3			7.5	7.8	Đạt	7.8	Đạt		Dược lâm sàng
44	1	14	1213360097	Nguyễn Thái Phương Khanh	25/10/2006	01DS14C1	5.3	5.0	5.1		2.5	6.2	5.8	Đạt	5.8	Đạt		Bảo chế
45	2	14	2213240108	Phạm Thị Thúy Giang	14/01/2002	02YS14A1	5.0	6.0	5.7		4.6	6.4	6.1	Đạt	6.1	Đạt		Bệnh ngoại khoa

STT	CƠ SỞ	KHÓA	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 2		Điểm TB TK	Kết quả	GHI CHÚ	Môn thi	
							HS1	HS2			Lần 1	Lần 2	TB Môn	KQ2					
46	2	14	2223180015	Huỳnh Quốc Thanh	06/02/1998	02YS14A1	7.0	8.0	7.7			6.1	6.7	Đạt	6.7	Đạt		Bệnh Ngoại khoa	
47	2	14	2213240192	Trần Thị Kim Cương	20/08/2003	02YS14A1	8.0	8.0	8.0			6.0	9.2	8.7	Đạt	8.7	Đạt		Điều dưỡng căn bản và kỹ thuật điều dưỡng
48	2	14	2213240187	Đỗ Thị Mỹ Tiên	08/04/2003	02YS14A1	7.3	7.5	7.4			6.0	8.7	8.2	Đạt	8.2	Đạt		Điều dưỡng căn bản và kỹ thuật điều dưỡng
49	2	14	2213240108	Phạm Thị Thúy Giang	14/01/2002	02YS14A1											Vắng thi		Điều dưỡng căn bản và kỹ thuật điều dưỡng
50	2	14	2213180064	Nguyễn Thị Phương Thảo	03/11/1989	02YS14A1	6.0	6.4	6.3				8.0	7.3	Đạt	7.3	Đạt		Điều dưỡng căn bản và kỹ thuật điều dưỡng
51	2	14	2213360233	Lê Trần Kim Ngân	16/11/2006	02DD14C1	7.0	6.3	6.5			2.0	7.2	6.9	Đạt	6.9	Đạt		Điều dưỡng cơ sở 2
52	2	14	2213240134	Lê Thị Mỹ Vân	10/2/2003	02DD14A1	7.8	7.8	7.8				5.2	6.2	Đạt	6.2	Đạt		Điều dưỡng cơ sở 2
53	2	14	2213240134	Lê Thị Mỹ Vân	10/2/2003	02DD14A1	7.5	6.3	6.7				5.0	5.7	Đạt	5.7	Đạt		Y học cơ sở
54	2	14	2213180017	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	23/10/1980	02YS14B1	9.0	8.7	8.8				8.4	8.6	Đạt	8.6	Đạt		Sức khỏe trẻ em
55	2	14	2213240190	Nay Suna	24/05/1993	02YS14B1	8.0	6.4	6.9			4.6	7.9	7.5	Đạt	7.5	Đạt		Điều dưỡng căn bản và kỹ thuật điều dưỡng
56	2	14	2213360058	Nguyễn Thị Kim Yến	21/04/1999	02MK14D1	7.0	7.5	7.3				10.0	8.9	Đạt	8.9	Đạt		Kênh phân phối bán hàng
57	2	14	2213360058	Nguyễn Thị Kim Yến	21/04/1999	02MK14D1	7.0	5.0	5.7				8.0	7.1	Đạt	7.1	Đạt		Nghiệp vụ marketing
58	2	14	2213180032	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/04/1993	02YS14B1	4.0	7.5	6.3				6.7	6.6	Đạt	6.6	Đạt		Bệnh Nội Khoa
59	2	14	2213180046	Nguyễn Mạnh Lâm	25/10/1989	02YS14B1	5.0	7.5	6.7				8.6	7.8	Đạt	7.8	Đạt		Bệnh Nội Khoa
60	2	14	2213360055	Phạm Bá Vinh	26/07/1993	02DD14D1	5.0	5.0	5.0				3.7	4.2	Đạt	4.2	Đạt		Chăm sóc người bệnh Nội khoa
61	2	14	2213240198	Lê Thái Hòa	22/02/1996	02DS14B1	9.0	9.0	9.0				7.2	7.9	Đạt	7.9	Đạt		Hóa dược dược lý 1
62	2	14	2213360101	Hồ Ngọc Xuân Quỳnh	21/11/2006	02DS14C1	9.0	7.2	7.8				7.0	7.3	Đạt	7.3	Đạt		Hóa dược dược lý 2
63	2	14	2213360071	Huỳnh Diễm Tuyền	02/07/2001	02KT14D1	7.5	8.1	7.9				5.5	6.5	Đạt	6.5	Đạt		Kế toán doanh nghiệp 1
64	2	12	2193360293	Nguyễn Ngọc Cẩm Hương	05/03/2001	02MK12C1	9.0	8.0	8.33				9	8.7	Đạt	8.7	Đạt		Nghiệp vụ marketing
65		14	2203360311	Lê Thị Kim Quỳnh	29/09/1996	02KT14D1	5.0	5.0	5.0				5.0	5.0	Đạt	5.0	Đạt		Phân tích hoạt động kinh doanh
66	2	14	2213360194	Nguyễn Quang Lễ	22/9/2006	02KT14C1	5.0	5.0	5.0			1.0	7.5	6.5	Đạt	6.5	Đạt		Tài chính doanh nghiệp
67	2	14	213240011	Trần Trúc Thanh	19/03/1997	02KT14E1	6.0	5.0	5.3			3.0	4.5	4.8	Đạt	4.8	Đạt		Tài chính doanh nghiệp
68	2	14	2213360373	Diệp Trường Chinh	15/06/2005	02TM14C1												vắng thi	Quản trị mạng window Server
69	2	14	2213360231	Nguyễn Thành Danh	28/01/2006	02TM14C1	9.0	6.0	7.0				6.0	6.4	Đạt	6.4	Đạt		Quản trị mạng window Server

STT	CƠ SỞ	KHÓA	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 2		Điểm TB TK	Kết quả	GHI CHÚ	Môn thi
							HS1	HS2			Lần 1	Lần 2	TB Môn	KQ2				
70	2	14	2213360270	Đặng Khải Phong	28/03/2005	02TM14C1	8.0	7.0	7.3			6.3	6.7	Đạt	6.7	Đạt		Quản trị mạng window Server
71	2	14	2213360299	Lê Hữu Đức	27/11/2004	02TW14C1	9.0	5.0	6.3				2.5	Học Lại	2.5	Học Lại	Vắng thi	Thiết kế website cơ bản
72	2	14	2213360171	Lê Gia Long	16/05/2006	02TW14C1	9.0	5.0	6.3			0.0	2.5	Học Lại	2.5	Học Lại		Thiết kế website cơ bản
73	2	14	2213240104	Nguyễn Thành Hội	10/08/2000	02DH14A1	8.0	6.3	6.8			6.0	6.3	Đạt	6.3	Đạt		Thiết kế và xử lý ảnh photoshop
74	2	14	2213360345	Nguyễn Thị Ngọc Tiền	22/12/2006	02DH14C1	9.0	5.0	6.3			7.0	6.7	Đạt	6.7	Đạt		Thiết kế và xử lý ảnh photoshop
75	2	14	2213360136	Trần Minh Triết	30/03/2005	02DH14C1	8.0	7.8	7.8			7.0	7.3	Đạt	7.3	Đạt		Thiết kế và xử lý ảnh photoshop
76	2	14	2213360255	Trương Minh Tuấn	15/02/2002	02DH14C1	8.0	7.0	7.3			7.5	7.4	Đạt	7.4	Đạt		Thiết kế và xử lý ảnh photoshop
77	2	13	2203360218	Lê Hoàng Gia Bảo	07/10/2005	02TW13C1	6.0	5.0	5.3			5.0	5.1	Đạt	5.1	Đạt		Thiết kế và xử lý ảnh photoshop
78	2	14	2213360137	Nguyễn Văn Cường	28/06/2006	02TM14C1	8.0	5.0	6.0			6.5	6.3	Đạt	6.3	Đạt		Quản trị mạng window Server
79	2	14	2213360140	Bùi Đình Đức Nguyên	25/08/2004	02TM14C1	8.0	7.0	7.3			4.3	5.5	Đạt	5.5	Đạt		Lắp ráp - cài đặt - bảo trì máy tính
80	2	14	2213360270	Đặng Khải Phong	28/03/2005	02TM14C1	7.0	7.0	7.0			5.7	6.2	Đạt	6.2	Đạt		Lắp ráp - cài đặt - bảo trì máy tính
81	2	14	2213240104	Nguyễn Thành Hội	10/08/2000	02DH14A1											Đội GV chấm bài	Tạo bản vẽ kỹ thuật
82	1	14	1213360109	Nguyễn Thị Hồng Thắm	07/05/2006	01KT14C1	9.5	9.0	9.2			5.5	7.0	Đạt	7.0	Đạt		Kế toán hành chính sự nghiệp
83	1	14	1213360015	Trần Nhật Tiến	13/08/2005	01TM14C1	7.5	8.0	7.8			7.3	7.5	Đạt	7.5	Đạt		Các dịch vụ mạng
84	2	14	2213360263	Đặng Trần Hoàng Linh	03/01/2004	02TM14C1	8.0	8.0	8.0			6.0	6.8	Đạt	6.8	Đạt		Các dịch vụ mạng
85	2	14	2213360299	Lê Hữu Đức	27/11/2004	02TW14C1											Không nộp bài thi	Các dịch vụ mạng
86	2	14	2213360034	Trần Kim Hùng	14/05/2005	02TW14C1	8.5	5.0	6.2			3.8	4.7	Đạt	4.7	Đạt		Các dịch vụ mạng
87	1	14	1213360120	Võ Vĩnh Phúc	17/04/2006	01TM14C1	8.0	8.0	8.0			6.0	6.8		6.8	Đạt		Tiếng anh chuyên ngành
88	2	14	2213360373	Diệp Trường Chinh	15/06/2005	02TM14C1											vắng thi	Tiếng anh chuyên ngành
89	2	14	2213360107	Phùng Ngô Anh Kiệt	22/09/2006	02TM14C1	6.5	7.0	6.8			7.2	7.1	Đạt	7.1	Đạt		Tiếng anh chuyên ngành
90	2	14	2213360140	Bùi Đình Đức Nguyên	25/08/2004	02TM14C1	7.0	9.8	8.8			5.3	6.7	Đạt	6.7	Đạt		Tiếng anh chuyên ngành
91	2	14	2213360270	Đặng Khải Phong	28/03/2005	02TM14C1	8.8	8.8	8.8			5.5	6.8	Đạt	6.8	Đạt		Tiếng anh chuyên ngành
92	2	14	2213240175	Trần Nguyễn Hoàng Trâm	21/09/1993	02TM14A1	7.8	8.5	8.3			5.0	6.3	Đạt	6.3	Đạt		Tiếng anh chuyên ngành
93	2	13	2203360296	Lê Ngọc Mai	28/02/2005	02YS13C1	5.5	5.5	5.5			7.0	6.4	Đạt	6.4	Đạt		Toán 10

STT	CƠ SỞ	KHÓA	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 2		Điểm TB TK	Kết quả	GHI CHÚ	Môn thi
							HS1	HS2			Lần 1	Lần 2	TB Môn	KQ2				
94	1	13	1203360098	Biện Hoàng Huy	16/02/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0			8.0	7.6	Đạt	7.6	Đạt		Hóa học 11
95	2	14	2213360195	Nguyễn Thị Tố Nga	05/01/2006	02YS14C1	5.0	6.0	5.7		2.8	3.4	4.3	Đạt	4.3	Đạt		Bệnh Ngoại khoa
96	2	14	2213240190	Nay Suna	24/05/1993	02YS14B1	7.0	9.5	8.7		6.2	4.5	6.2	Đạt	6.2	Đạt		Sức khỏe sinh sản
97	2	14	2203240146	Huỳnh Thị Ngọc Bích	15/11/1988	02YS14B1	8.0	10.0	9.3		5.3	6.5	7.6	Đạt	7.6	Đạt		Sức khỏe sinh sản
98	2	14	2213180047	Phạm Thị Thu	19/07/1980	02DS14B1	7.0	8.0	7.7			9.5	8.8	Đạt	8.8	Đạt		Hóa dược dược lý 2
99	2	14	2213240060	Nguyễn Hoàng Khánh Nhi	27/03/2001	02KT14B1	7.0	8.0	7.7			7.5	7.6	Đạt	7.6	Đạt		Kỹ năng giao tiếp
100	1	14	1213360143	Đặng Xuân Mai	28/07/2005	01KT14C1	6.0	7.0	6.7			7.5	7.2	Đạt	7.2	Đạt		Kỹ năng giao tiếp

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2022

PHÒNG ĐÀO TẠO